

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

SỔ GỐC CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP NĂM 2023

Khối CD K57; Khóa học 2020 - 2023

Hình thức đào tạo: Chính quy

Quyết định số 253/QĐ-CDSL ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại (TD 4)	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	SOMPONG	MANILA	24/12/2001	LOUANGNAMTHA	Nam	Lào 2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.13	Khá	CD1.000421	14/CD1/2023/0001		
2	Đình Văn	Chức	17/09/2001	Sơn La	Nam	Mường	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.57	Giỏi	CD1.000422	14/CD1/2023/0002		
3	Lù Văn	Chương	15/09/2002	Lai Châu	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.07	Khá	CD1.000423	14/CD1/2023/0003		
4	Sùng A	Dính	02/04/1998	Sơn La	Nam	Mông	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	2.86	Khá	CD1.000424	14/CD1/2023/0004		
5	Cà Văn	Hảo	16/10/2002	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.24	Giỏi	CD1.000425	14/CD1/2023/0005		
6	Lò Mạnh	Hùng	24/04/2002	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.26	Giỏi	CD1.000426	14/CD1/2023/0006		
7	Lò Văn	Khanh	01/07/1998	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.49	Giỏi	CD1.000427	14/CD1/2023/0007		
8	Tường Duy	Khánh	22/03/2002	Sơn La	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.26	Giỏi	CD1.000428	14/CD1/2023/0008		
9	Quảng Văn	Mạnh	23/05/2002	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.18	Khá	CD1.000429	14/CD1/2023/0009		
10	Quảng Văn	Ốn	19/11/2001	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.26	Giỏi	CD1.000430	14/CD1/2023/0010		
11	Sòng A	Seng	14/11/2002	Sơn La	Nam	Mông	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.43	Giỏi	CD1.000431	14/CD1/2023/0011		
12	Sòng A	Su	04/03/2001	Sơn La	Nam	Mông	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.15	Khá	CD1.000432	14/CD1/2023/0012		
13	Đình Văn	Thành	04/12/2000	Sơn La	Nam	Mường	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.01	Khá	CD1.000433	14/CD1/2023/0013		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại (TD 4)	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
14	Lường Văn	Thơ	06/02/2002	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.49	Giỏi	CD1.000434	14/CD1/2023/0014		
15	Giàng A	Thông	26/05/2002	Sơn La	Nam	Mông	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	2.8	Khá	CD1.000435	14/CD1/2023/0015		
16	Đinh Văn	Thuyết	06/09/2000	Sơn La	Nam	Mường	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.12	Khá	CD1.000436	14/CD1/2023/0016		
17	Đinh Thành	Trung	06/06/2000	Sơn La	Nam	Mường	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.37	Giỏi	CD1.000437	14/CD1/2023/0017		
18	Hoàng Văn	Tú	07/07/2002	Sơn La	Nam	Mường	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.6	Xuất sắc	CD1.000438	14/CD1/2023/0018		
19	Tòng Anh	Tuấn	08/03/2002	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3.17	Khá	CD1.000439	14/CD1/2023/0019		
20	Lương Tuấn	Vinh	09/07/2001	Sơn La	Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	2013	3	Khá	CD1.000440	14/CD1/2023/0020		
21	NGERN MALAYVANH		05/06/2000	HOUAPHANH	Nữ	Lào 2	Công nghệ thông tin	2013	3.45	Giỏi	CD1.000441	14/CD1/2023/0021		
22	SOMSY SEEBUAPHANH		10/10/1999	HOUAPHANH	Nam	Lào 2	Công nghệ thông tin	2013	3.05	Khá	CD1.000442	14/CD1/2023/0022		
23	Lường Văn	Cầu	08/02/2002	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ thông tin	2013	3.42	Giỏi	CD1.000443	14/CD1/2023/0023		
24	Lầu A	Ly	20/02/1986	Sơn La	Nam	Mông	Công nghệ thông tin	2013	3.24	Giỏi	CD1.000444	14/CD1/2023/0024		
25	Lèo Việt	Sinh	06/12/2002	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ thông tin	2013	3.3	Giỏi	CD1.000445	14/CD1/2023/0025		
26	Tòng Văn	Thắng	09/06/2002	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ thông tin	2013	3.5	Giỏi	CD1.000446	14/CD1/2023/0026		
27	Lường Văn	Thích	15/11/2001	Sơn La	Nam	Thái	Công nghệ thông tin	2013	2.85	Khá	CD1.000447	14/CD1/2023/0027		
28	Lù A	Nhè	01/11/2002	Sơn La	Nam	Mông	Hướng dẫn du lịch	2013	3.61	Xuất sắc	CD1.000448	14/CD1/2023/0028		
29	PANIDA PHANPASACK		30/12/2000	HOUAPHANH	Nữ	Lào 2	Kế toán doanh nghiệp	2013	3.08	Khá	CD1.000449	14/CD1/2023/0029		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại (TD 4)	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
30	THONGKHAM	HER	10/06/2000	HOUAPHANH	Nam	Lào 2	Kế toán doanh nghiệp	2013	3.1	Khá	CD1.000450	14/CD1/2023/0030		
31	Và Thị	Cá	13/10/2001	Son La	Nữ	Mông	Kế toán doanh nghiệp	2013	3.38	Giỏi	CD1.000451	14/CD1/2023/0031		
32	Giàng A	Chênh	21/12/2002	Son La	Nam	Mông	Kế toán doanh nghiệp	2013	3.05	Khá	CD1.000452	14/CD1/2023/0032		
33	Nguyễn Ngọc	Lam	10/09/2002	Son La	Nữ	Kinh	Kế toán doanh nghiệp	2013	3.08	Khá	CD1.000453	14/CD1/2023/0033		
34	KONGMENG	XIONG	08/06/2000	SAYSOMBOUN	Nam	Lào 2	Quản trị văn phòng	2013	3	Khá	CD1.000454	14/CD1/2023/0034		
35	TAMON	XAIPHOUVONG	07/12/2000	SAYSOMBOUN	Nữ	Lào 2	Quản trị văn phòng	2013	2.99	Khá	CD1.000455	14/CD1/2023/0035		
36	THIPPHAVANH	PHICHITH	20/12/2001	VIENTIANE	Nữ	Lào 2	Quản trị văn phòng	2013	3.08	Khá	CD1.000456	14/CD1/2023/0036		
37	VIENGTHONG	VILAISONE	25/11/2000	LOUANGNAMTHA	Nữ	Lào 2	Quản trị văn phòng	2013	2.96	Khá	CD1.000457	14/CD1/2023/0037		
38	Lò Văn	Bảo	20/09/2002	Son La	Nam	Thái	Quản trị văn phòng	2013	2.83	Khá	CD1.000458	14/CD1/2023/0038		
39	Và Thị	Chi	04/10/2002	Son La	Nữ	Mông	Quản trị văn phòng	2013	3.07	Khá	CD1.000459	14/CD1/2023/0039		
40	Hồ Thị	Dia	15/09/2002	Son La	Nữ	Mông	Quản trị văn phòng	2013	3.3	Giỏi	CD1.000460	14/CD1/2023/0040		
41	Cứ A	Đoàn	16/06/2002	Son La	Nam	Mông	Quản trị văn phòng	2013	2.86	Khá	CD1.000461	14/CD1/2023/0041		
42	Ly A	Hai	04/04/2002	Son La	Nam	Mông	Quản trị văn phòng	2013	3.14	Khá	CD1.000462	14/CD1/2023/0042		
43	Và A	Mua	03/12/2002	Son La	Nam	Mông	Quản trị văn phòng	2013	3.05	Khá	CD1.000463	14/CD1/2023/0043		
44	Lò Thị	Nga	18/05/2002	Son La	Nữ	Thái	Quản trị văn phòng	2013	3.31	Giỏi	CD1.000464	14/CD1/2023/0044		
45	Lò Văn	Triều	05/07/1998	Son La	Nam	Thái	Quản trị văn phòng	2013	2.87	Khá	CD1.000465	14/CD1/2023/0045		

TT	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành	Năm TN	Điểm TBC TL (TD 4)	Xếp loại (TD 4)	Số hiệu văn bằng	Số vào sổ gốc cấp văn bằng	Người nhận bằng TN ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
46	Lường Minh	Trọng	28/03/2001	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị văn phòng	2013	2.75	Khá	CD1.000466	14/CD1/2023/0046		
47	Lường Thanh	Trường	15/02/1998	Sơn La	Nam	Thái	Quản trị văn phòng	2013	3.14	Khá	CD1.000467	14/CD1/2023/0047		

Danh sách này có: 47 Sinh viên

Sơn La, ngày 04 tháng 5 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long